



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

**BẢN TIN THAN THÁNG 12**

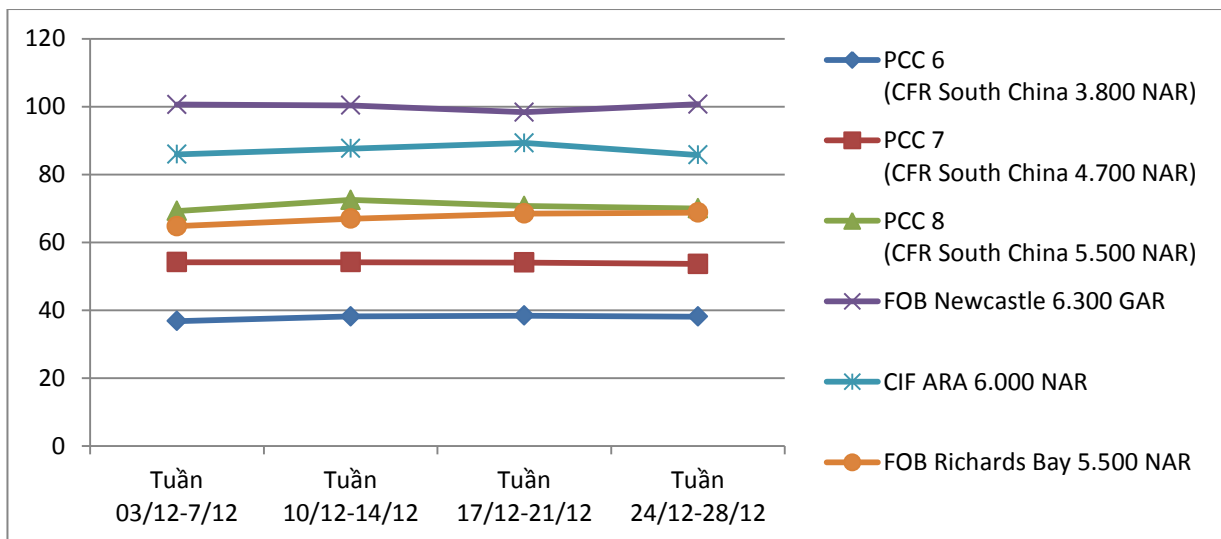
(Từ 03/12 – 31/12/2018)

**I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN**

**1. GIÁ THAN KHU VỰC**

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá	Tuần 03/12-07/12	Tuần 10/12-14/12	Tuần 17/12-21/12	Tuần 24/12-28/12
<b>PCC 6</b> (CFR South China 3,800 NAR)	36,77	38,14	38,36	38,1
<b>PCC 7</b> (CFR South China 4,700 NAR)	54,12	54,14	54,02	53,60
<b>PCC 8</b> (CFR South China 5,500 NAR)	69,22	72,48	70,68	70
<b>FOB Newcastle 6,300 GAR</b>	100,6	100,37	98,33	100,68
<b>CIF ARA 6,000 NAR</b>	85,94	87,64	89,29	85,73
<b>FOB Richards Bay 5,500 NAR</b>	64,75	66,95	68,47	68,73
<b>NEWC</b> (FOB Newcastle 6000 NAR)	101,95	102,40	100,56	102,55



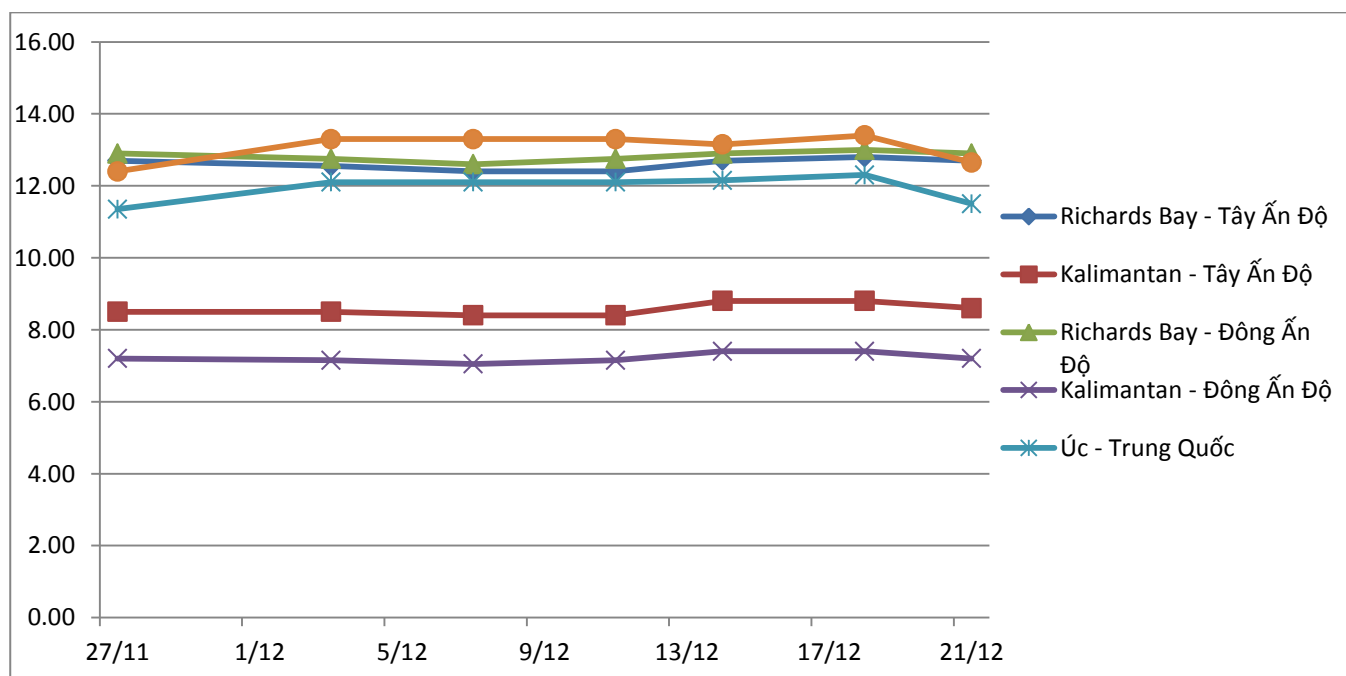
**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 12 (2018)**

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## 2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cước vận tải tháng 12	03/12	07/12	11/12	14/12	18/12	21/12	27/12
<b>Tàu Capesize (150.000 tấn)</b>							
1 Úc – Trung Quốc	9,35	10,95	10,35	10,60	10,40	7,75	7,95
2 Queensland – Nhật Bản	10,70	12,65	11,85	12,20	12,00	8,80	9,00
3 New South Wales – Hàn Quốc	11,55	13,50	12,70	13,05	12,85	9,65	9,85
<b>Tàu Panamax (70.000 tấn)</b>							
1 Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,55	12,40	12,40	12,70	12,80	12,70	12,70
2 Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,50	8,40	8,40	8,80	8,80	8,60	8,50
3 Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,75	12,60	12,60	12,90	13,00	12,90	12,90
4 Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,15	7,05	7,05	7,40	7,40	7,20	7,20
5 Úc - Trung Quốc	12,10	12,10	12,10	12,15	12,30	11,50	11,35
6 Úc - Ấn Độ	13,30	12,85	12,80	13,15	13,40	12,65	12,40



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 12 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

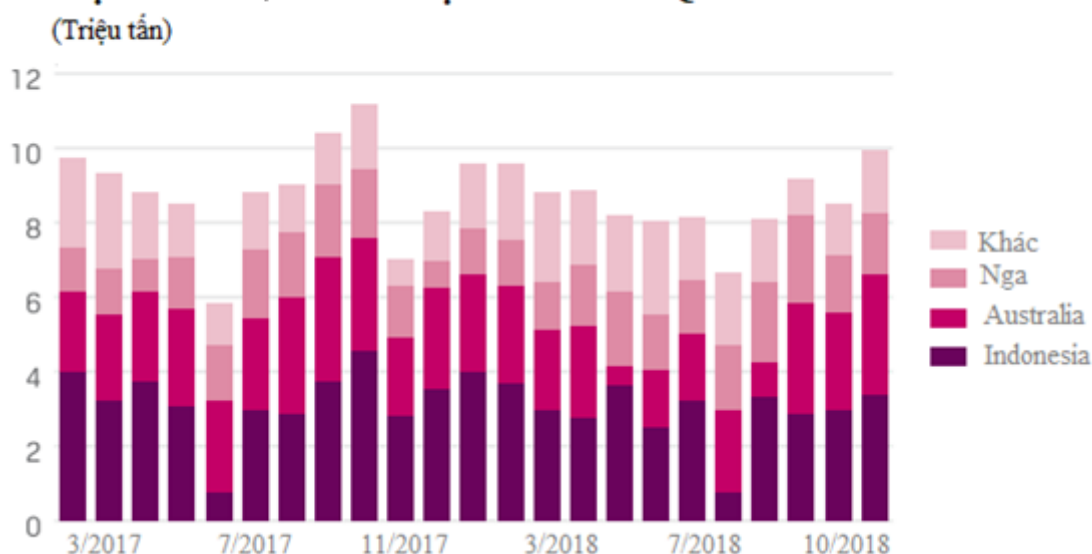
## II. ĐIỂM TIN

### Lượng than nhập khẩu của Hàn Quốc trong tháng 11 đạt 9,9 triệu tấn, cao nhất trong vòng 14 tháng

Hàn Quốc đã nhập khẩu 9,9 triệu tấn than nhiệt trong tháng 11, tăng 17% so với tháng 10 và 20% so với cùng kỳ năm ngoái, đây là mức cao nhất kể từ tháng 9 năm 2017, theo dữ liệu Hải quan phát hành trong tuần này. Con số trên bao gồm 9,2 triệu tấn than bitum và phần còn lại là than á bitum. Than Indonesia chiếm 3,3 triệu tấn, tăng 13% so với tháng 10 nhưng giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái, khối lượng cao nhất kể từ tháng 4. Lượng than nhập khẩu từ Australia đạt 3,2 triệu tấn, tăng 25% so với tháng 10 và 17% so với cùng kỳ năm ngoái (mức cao nhất được ghi nhận trong vòng 15 tháng trở lại đây).

Trong tháng 11, chính quyền Trung Quốc đưa ra các chính sách kiểm soát nhập khẩu than tại nước này, trong đó Australia là nguồn cung chính. Điều này đã khiến nhiều chuyên hàng than đến Trung Quốc phải tìm đến các thị trường than nhiệt khác như Hàn Quốc. Lượng than nhập khẩu từ Nga đạt 1,7 triệu tấn, tăng 7% so với tháng 10 và cao hơn gấp đôi so với khối lượng 628.833 tấn cùng kỳ năm ngoái. Lượng than nhập khẩu từ Canada đạt 547.045 tấn, giảm 27% so với tháng 10 và tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái, khối lượng than nhập khẩu từ Colombia đạt 469.530 tấn, tăng 13% so với tháng 10, trong khi cùng kỳ năm ngoái không có chuyên hàng nào được ghi nhận. Khối lượng than nhập khẩu từ Nam Phi đạt 596.518 tấn, với khối lượng trong tháng 9, 10 chỉ đạt 117.064 tấn, nhưng giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 10 và 11, Hàn Quốc không nhập than từ Mỹ.

### NHẬP KHẨU THAN NHIỆT CỦA HÀN QUỐC



### Lượng than nhập khẩu của Thái Lan trong tháng 11 đạt 2,12 triệu tấn

Thái Lan đã nhập khẩu 2,12 triệu tấn than bao gồm bitum, anthracite, và các loại than khác trong tháng 11, tăng 30,7% so với năm ngoái, theo dữ liệu Hải quan đưa ra hôm thứ 2 (24/12). Giá trị khối lượng than nhập khẩu trong tháng 11 đạt 132,3 triệu USD, tăng 19,6% hơn so với tháng 11 năm 2017. Trên tổng khối lượng than nhập khẩu, 453.003 tấn là than bitum, giảm 24% so với năm ngoái, với nguồn than chủ yếu từ Australia, cụ thể đạt 285.156 tấn, cao hơn 99% so với năm ngoái, theo sau đó là Indonesia với 166.174 tấn, giảm 47,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 11, nhập khẩu các loại than khác như lignite và á bitum tăng 64,8% so với năm ngoái lên mức 1,66 triệu tấn. Khối lượng than nhập khẩu còn lại chủ yếu từ Indonesia, với 1,58 triệu tấn, tăng 70% so với năm ngoái.

Thái Lan đã nhập khẩu 496 tấn than anthracite chủ yếu từ Việt Nam trong tháng 11, giảm 96,7% so với năm ngoái. Tính đến hết tháng 11, Thái Lan đã nhập khẩu 23,51 triệu tấn than, tăng 15,7% so với năm ngoái. Khối lượng trên bao gồm 7,44 triệu tấn than bitum, giảm 19,9% so với năm ngoái, và 15,92 triệu tấn các loại than khác, tăng 50,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị nhập

khẩu trong giai đoạn trên đạt 1,54 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2017. Indonesia và Australia là hai nguồn than chủ yếu của Thái Lan.

### **Mechel, Nga gia hạn hợp đồng cung ứng than với nhà máy xi măng Jidong Trung Quốc**

Công ty sản xuất than Mechel (Nga) vừa công bố kéo dài hợp đồng cung ứng than với công ty xi măng Jidong, Trung Quốc tới cuối năm 2019. Theo tuyên bố của công ty, Mechel sẽ cung ứng 2 triệu tấn than nhiệt từ mỏ than South Yahutia trong năm 2019. Khối lượng cung ứng mỗi tháng sẽ vào khoảng 100.000 - 150.000 tấn và giá sẽ được điều chỉnh hàng tháng dựa trên chỉ số giá than.

Giám đốc điều hành Pavel Shtank của Ban Quản lý Mechel cho biết: “Công ty Xi măng Jidong là khách hàng quan trọng của Elga tại Châu Á. Từ năm 2017 chúng tôi đã cung ứng than cho các đối tác Trung Quốc với khối lượng gần 1,9 triệu tấn và 1,4 triệu tấn trong năm 2018. Trong năm 2019, chúng tôi dự kiến sẽ xuất khẩu than từ Elga với khối lượng tương đương các năm trước”. Khu phức hợp mỏ than Elga nằm tại khu vực phía Đông Nam Yakutia và có trữ lượng 2,2 tỷ tấn than các loại (theo dữ liệu từ website của Mechel).

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*